

Căn Nhà An Đông của Mẹ Tôi

Nguyễn Tường Thiết

Chợ An Đông và khu chung cư chung quanh chợ được xây cất vào năm 1954, năm đất nước chia đôi, trên một khu đất trống và rộng thuộc Quận 5 Chợ Lớn. Toàn bộ khu vực này nằm ở giữa hai đại lộ Hùng Vương có con đường sắt chạy song song ở phía bắc và đại lộ Hồng Bàng ở phía nam; tiếp giáp hai mạn đông, tây là hai con đường nhỏ Yết Kiêu và Nguyễn Duy Dương. Chung cư An Đông gồm bốn khu ba tầng, mỗi khu hình chữ L, bao vây lấy chợ nằm ở chính giữa, tổng cộng gồm khoảng bốn năm trăm đơn vị gia cư.



Tôi rời Hà Nội vào Nam rất sớm. Năm 1951 tôi đã theo bố tôi và người chị cả vào định cư ở Sài Gòn trong khi mẹ tôi và các anh chị tôi vẫn còn ở Hà Nội cho đến ngày di cư. Vào Nam ba bố con tôi ở chung với gia đình người bác ở đầu đường Hồng Thập Tự gần sở thú Sài Gòn. Thời gian chúng tôi ở đó tôi thường theo các anh họ tôi đạp xe đi tắm ở hồ bơi mà hồi đó chúng tôi gọi là “đi pít-xin”. Hồ bơi ở xa lắm, mỗi tuần trong Chợ Lớn. Tôi nhớ là để tới hồ bơi chúng tôi phải dắt xe đi ngang một con đường sắt, rồi lại phải băng qua một bãi đất trống rất rộng mấp mô đầy những mỏ mả.

Năm di cư mẹ và các anh chị tôi kể trước người sau lục tục vô Nam. Mẹ tôi mua một đơn vị trong chung cư chợ An Đông để ở và lấy chỗ buôn bán. Đơn vị ấy hai tầng, tầng dưới mẹ tôi mở tiệm bán cau khô, tên hiệu là Cẩm Lợi, tầng trên mẹ con chúng tôi ở khá chen chúc vì diện tích căn nhà không rộng bao nhiêu. Bố tôi chèo nhà vừa chật lại vừa gần chợ ồn nên không ở, chỉ thỉnh thoảng lái mướm tạt về. Trên đầu chúng tôi là lầu ba. Lầu ba thuộc một đơn vị gia cư khác. Tất cả những đơn vị ở trên lầu ba đều đi chung một cầu thang riêng, nằm bên hông đường Nguyễn Duy Dương. Căn nhà chúng tôi ở một góc trông ra hai mặt đường nên rất thuận tiện cho việc buôn bán của mẹ tôi.

Nếu tôi chỉ nói cái số nhà 39 thì chắc chẳng một ai hình dung căn nhà của mẹ tôi nằm ở chỗ nào trong khu chợ An Đông. Nhưng nếu nói nó ở ngay sát cạnh quán cơm gà nổi tiếng Siu Siu thì có thể nhiều người hình dung ra ngay. Siu Siu là một quán cóc nằm sát bên hông nhà mẹ tôi. Ông Siu Siu khi mở quán này đã thương lượng với mẹ tôi câu điện tử trong nhà chúng tôi để thấp đèn trong quán, lại dùng cái vỉa hè ngay trước cửa nhà chúng tôi để đặt bàn ăn. Bù lại ông Siu Siu mỗi tháng trả cho mẹ tôi một khoản tiền. Trong suốt hai mươi năm trời chúng tôi ăn cơm gà trừ dần vào khoản tiền này, ăn nhiều phát ớn, đến độ tôi phải tự hỏi cơm gà Siu Siu thì ngon quá gì mà đông người đến ăn như thế. Mỗi buổi chiều từ trên ban công nhìn xuống dưới hè ở trước nhà tôi thường quan sát thực khách ăn ở phía dưới. Tôi nhận diện không biết bao nhiêu khuôn mặt nổi tiếng, từ minh tinh tài tử, văn nhân nghệ sĩ cho đến những nhân vật chính trị và quân sự quan trọng của miền Nam, và tôi thường tự hỏi trong số những thực khách ấy có mấy ai biết là mình ngồi ăn ở ngay trước cửa căn nhà của mẹ tôi, bà Nhất Linh.

Năm 1954 khi chúng tôi dọn đến ở thì khu chung cư An Đông này chưa hoàn toàn xây xong. Chúng tôi là một trong số rất ít những người đầu tiên đến cư ngụ. Tôi khám phá ra là cả cái chợ này lẫn khu chung cư được xây ngay trên cái bãi đất tha ma rộng mênh mông mà mấy năm trước tôi đã phải dắt xe đạp đi ngang qua mỗi lần tắm “pít-xin”. Bây giờ thì cái hồ tắm ấy gọi là hồ tắm An Đông nằm ngay cạnh chung cư chúng tôi ở cách con đường nhỏ Yết Kiêu.

Năm đó tôi được mười bốn tuổi. Kỷ niệm của tôi về những ngày đầu tiên đến ở căn nhà ấy lại là kỷ niệm về một trận ốm kịch liệt khiến tôi phải nằm bẹp trên giường tới hơn một tuần lễ. Căn nhà mới tinh, phòng ốc còn trống trơn vì chưa có nhiều đồ đạc. Tôi ngửi thấy từ những bức tường cái mùi nồng nồng của nước vôi mới quét. Những ngày ốm tôi nằm hầu như một mình trong căn gác trống trải, tai nghe từ một cái máy phóng thanh đặt trên nóc chợ phát ra những bài hát cổ trong một tuồng tích Tàu, chắc hẳn là để quảng cáo cho cái chợ và khu chung cư mới xây cất. Tiếng phèng la inh ỏi xen lẫn tiếng hát giọng Quảng Đông léo nhéo nghe chua như tiếng mèo gào động đực. *Cheng hòeng... e...éng, e.. ê...pây... coong...* Trong cơn mê bệnh tôi thấy mình nằm trên một bãi tha ma (mà quả là tôi đang nằm trên bãi tha ma thật!) có tiếng kèn nhã nhoét và tiếng hát ỉ ôi vắng lại nghe hết như từ một đám ma Tàu tôi vẫn thường thấy ở trong Chợ Lớn.

Thời gian ấy bố tôi ở bên Pháp. Bố tôi ở Paris sáu tháng. Có anh cả tôi là anh Việt đang du học bên đó. Đầu năm 1955 khi bố tôi trở về Sài Gòn ở căn nhà chung cư thì khu vực này đã tấp nập, chợ An Đông ồn ào tiếng người mua bán và tất cả cả đơn vị gia cư đã kín người ở. Đa số người ở chung cư An Đông là người Việt gốc Hoa và người Bắc di cư.

Bố tôi về nước mang theo cây kèn clarinet ông mua ở bên Pháp. Thịnh thoảng ông lấy kèn ra thổi dăm ba bản nhạc Tây. Tiếng hắc tiêu của ông được đệm bởi tiếng chợ búa ồn ào ở dưới nhà, lâu lâu lại phụ họa những tiếng chửi nhau rất là thô tục của đám người trong chợ đang giành nhau một cái sạp hàng. Tôi không ngạc nhiên khi thấy chỉ ít lâu sau bố tôi già từ đám thính giả ở chợ An Đông và xách kèn lên Đà Lạt ở liền trên đó mấy năm. Tôi cũng được gửi lên đó sống mấy năm bên cạnh bố.

Năm 1958 bố tôi trở về Sài Gòn làm báo Văn Hóa Ngày Nay. Cố nhiên là bố tôi không ở căn chung cư của mẹ tôi. Ông thuê một căn gác trên đường Trương Minh Giảng để ở và lấy chỗ làm việc. Còn tôi thì từ khi rời Đà Lạt cuộc đời tôi lại dính liền với chợ An Đông và căn nhà của mẹ cho đến ngày chúng tôi di tản qua Mỹ. Tính ra tôi đã căn nhà đó tròn hai mươi năm, giữa hai cuộc di cư, từ cuộc di cư năm 1954 cho đến cuộc di tản năm 1975. Hai mươi năm sống dưới một mái nhà thật ra chẳng lâu gì cho lắm, còn thua cả thời gian chúng tôi từng sống ở một ngôi nhà trên đất Mỹ. Nhưng không hiểu sao mỗi lần nhớ về quá khứ tôi có cảm tưởng như thời gian ở đây dài lắm, dài nhất trong đời tôi. Sao lạ thế nhỉ? Phải chăng vì thời gian ấy tôi ở Việt Nam và trải qua nhiều biến động nhất trong đời? Hay chỉ vì đó là thời gian tôi ở giữa lứa tuổi từ 14 đến 35, tức là lứa tuổi mà có lẽ ở bất cứ người nào cũng đều cho là đẹp và đáng ghi nhớ nhất?

Chợ An Đông mỗi sáng họp rất sớm. Mới ba bốn giờ trời còn tối người ta đã sửa soạn họp chợ. Từ dưới nhà vẳng lên gác tiếng động lạch cạch của những người phu khuân vác đóng xếp những sạp hàng bày trên mặt đường quanh chợ. Trong bao nhiêu năm tiếng lạch cạch đều đặn ấy đã thấm sâu vào trong giấc ngủ của chúng tôi. Đến khi tỉnh giấc thì tiếng ồn ào của chợ đã òa vỡ ở bên ngoài. Từ ban công lầu hai nhìn xuống dưới đường những chiếc bạt vải che mưa nắng dựng lên chi chít; qua những khoảng hở giữa hai cánh bạt là đầu và vai của những người đi chợ chen nhau qua lại giữa những sạp hàng. Đến trưa thì tiếng ồn tắt. Chợ vắng. Bạt che, sạp hàng thoát cái biến mất, mặt đường quanh chợ bỗng vắng te, một vài con chó sục sạo trong đồng rác. Trong cơn nóng hực của thành phố Sài Gòn chợ An Đông cũng theo người lịm vào giấc ngủ trưa. Trôi đi trong giấc ngủ nặng nề tôi nghe “lẹt xẹt lẹt xẹt” tiếng chổi quét uể oải của mấy người phu quét đường. Cho đến năm giờ thì chợ lại thức dậy bởi tiếng động lạch cạch bày bàn của quán cơm gà Siu Siu.

Chiều đến khi cơn nắng đã dịu tôi thường bắc ghế ra ngồi ở ban công nơi mẹ tôi có trồng ở góc một cây hoa giấy, cành lá và hoa giấy đỏ leo trên một tấm lưới sắt thưa. Điều thuốc lá Capstan trên môi tôi thường nhìn qua những bông hoa giấy ngắm cảnh chợ vắng từ trên cao. Phía bên kia đường Nguyễn Duy Dương là trường trung học Trí Dũng quét màu vôi đỏ, giờ tan trường những cô cậu học sinh Tàu trong bộ đồng phục xanh trắng cà vạt đỏ đi tủa ra khỏi cổng. Trên hè lộ đường ngay phía dưới ban công những thực khách của quán Siu Siu ngồi ăn uống ngon lành, trên mặt bàn ăn những chai lớn chai nhỏ bia Larue đầu cọp, bia “33”, những đĩa thịt gà trắng nuốt nà, những bát cơm gà nóng bốc khói. Thịnh thoảng tôi thấy mẹ tôi bước ra cửa gọi cơm để đãi khách và bao giờ cũng vậy ông chủ Siu Siu đích thân bưng cơm và thịt gà vào trong nhà cho mẹ tôi. Biết ý mẹ tôi ông luôn luôn mang vào một khẩu phần đặc biệt: một đĩa đùi gà được chặt rất khéo có thêm vài ba cái phao câu và một đĩa lòng gà gồm gan, mè, lòng, điểm mười quả trứng bé bé xinh xinh màu vàng ngậy.

Khách đến chơi nhà mẹ tôi vào buổi sáng nếu đi xe hai bánh thì phải dắt xe luồn lách giữa những sạp hàng trước khi có thể tách lên lề dựng xe trước cửa. Vì ở vị trí góc trông ra hai mặt đường nên nhà có hai cánh cửa lớn, loại cửa kéo ra kéo vào bằng sắt, cửa trông ra phía chợ thường xuyên đóng, chỉ mở cửa sắt bên hông phía cơm gà Siu Siu. Nếu khách đến vào buổi chiều hay tối thì có thể đậu xe sát lề đường rồi đi qua bàn của quán cơm gà để vào nhà. Một tấm bảng đề hiệu “CẨM LỢI chuyên bán sỉ cau khô” gắn trên cánh cửa sắt, ngay phía dưới ban công. Những bô cau khô chất cao gần dựng trần chiếm nửa diện tích căn nhà dưới của mẹ tôi, một cái cân khá lớn đặt ngay cửa, một cái sạp gỗ thấp và một cái két sắt nặng nề. Phần còn lại để trống chừa lối đi vào nhà trong. Nhà trong là một khoảng hẹp dùng làm bếp, cạnh có cầu thang bậc cao, hẹp, gấp khúc ở giữa để lên gác. Dưới lòng cầu thang là cầu tiêu phòng tắm. Đấy, hiệu cau Cẩm Lợi của mẹ tôi như thế đấy. Nó bé và chật chội lắm, không thể nào sánh được với hiệu cau khá rộng của bà ở số 15 hàng Bè Hà Nội trước ngày di cư.

Căn trên gác là thế giới của chúng tôi. Chúng tôi là tất cả mọi người trong nhà ngoại trừ mẹ tôi. Rộng 4x12

mét vuông căn gác để mấy thứ sau đây đã chật cứng: một cái sập gụ to bằng gỗ quý, một cái đi văng, một tấm phản, một bộ bàn ăn, một tủ gương đựng quần áo, một cái tủ chè dùng làm bàn thờ. Cạnh chiếc bàn ăn đóng sát vào thành tường là một cái giá đựng sách. Treo trên cao là hai bức tranh chân dung bố mẹ tôi do họa sĩ Nguyễn Gia Trí vẽ, bức họa bố tôi tay cầm bao thuốc lá và mẹ tôi cầm một miếng cau. Đồ đạc ở trong nhà có bốn thứ mẹ tôi đã mất công thuê chở từ Hà Nội vào, đó là cái cân, cái két sắt để ở dưới nhà và cái sập gụ, cái tủ chè để ở trên gác. Gác là chỗ để chúng tôi ăn ngủ. Còn chỗ để chúng tôi mơ mộng là hai cái ban công nhỏ được làm đẹp bằng những giàn hoa giấy. Những phút mộng mơ hiếm hoi của chúng tôi tuy thế chẳng bao giờ trọn vẹn vì ban công lúc nào cũng thoảng mùi cứt mèo chua loét mà mũi chúng tôi không tài nào làm quen nổi. Chả là chợ An Đông có cả một đạo quân những con mèo hoang, chúng cứ nhè những khoảng đất trồng cây rất hiếm hoi để đào bới ỉa bậy. Hàng đêm vào mùa động đực những con mèo hoang này thường đuổi nhau trên thành ban công, những ban công nối sát nhau chạy dài suốt dọc lầu hai của mấy chục căn chung cư. Vì nhà mẹ tôi ở góc nên con mèo bị săn đuổi chạy đến trước nhà chúng tôi là cùng đường, nó quay lại cong mình gầm gừ, rồi tiếng mèo gào động đực ré lên chọc thủng giấc mơ của chúng tôi đánh thức chúng tôi dậy nhiều lần trong đêm.

Mẹ tôi có cả một thế giới riêng của bà ở nhà dưới. Quanh bà là những người giúp việc. Một người lo việc cơm nước và một người chuyên làm việc nặng như khuân vác cau. Trong số những người giúp việc ấy có bà Hai và chú Tiều là hai người mà tôi nhớ đến nhất mỗi khi hồi tưởng về căn nhà cũ của mẹ. Bà Hai già lắm, đầu vấn khăn, miệng móm mém, người nhỏ thó, đi đứng lòm khòm vì lưng còng, có tật nói năng lung tung chẳng kiêng nể một ai vì thế ai cũng ngán bà. Mỗi tối bà có thể cong người nằm gọn lỏn như một con tôm trên mặt cái bàn cân. Vì vậy cái cân trở thành giường ngủ của bà. Chú Tiều ở tuổi trung niên người Hoa, đầu hói, quanh năm mặc cái quần xà lỏn phô tấm thân lực lưỡng, nhưng chú lại bị bệnh khùng, suốt ngày nói năng lảm nhảm không thua bà Hai nhưng nói bằng tiếng Tàu chả ai hiểu chú nói gì. Không như bà Hai được mướn thường trực và ở luôn tại nhà, chú Tiều sống lầy lắt trong chợ, được mẹ tôi kêu tới mướn mỗi khi cần có người làm việc nặng. Sau này vì tội nghiệp muốn giúp đỡ thêm cho chú nên ngay cả những công việc nhẹ như xáy cau, sàng cau hoặc dọn dẹp nhà cửa mẹ tôi cũng nhất nhất gọi chú tới làm, thành thử chú có mặt ở nhà mẹ tôi hầu như thường xuyên. Chú làm việc gì cũng rất kỹ lưỡng từng li từng tí lại rất lương thiện không tơ hào của ai một đồng bạc cắc nên rất được mẹ tôi thương. Không ai biết thật rõ tông tích chú Tiều. Dân trong chợ kháo nhau là chú có gia đình ở đường Nguyễn Trãi nhưng cha mẹ chết hết. Chú ở với anh chị nhưng chị dâu không thương, khinh rẻ hành hạ chú vì thấy chú khùng, chú giận bỏ nhà ra đi, sống lầy lắt trên các đường phố rồi cuối cùng đến chợ An Đông lượm của dư của đổ của mấy bà gánh bún cơm phở mà ăn. Tối đến chú ngủ ngoài hiên bên hông nhà mẹ tôi. Mẹ tôi thấy tội nên sai người làm mang cái mền nhà binh đắp cho chú để chú đỡ lạnh và đỡ muỗi cắn. Sau này thì chú tìm được chỗ ngủ tốt hơn ở trong chợ.

Mẹ tôi mặc chiếc áo cánh, đầu vấn khăn, ngồi trên chiếc sập gỗ dưới nhà đôn đốc người làm và tiếp khách. Bà hình như bận bịu suốt ngày với khách khứa. Khách gồm cả người bán cau lẫn người mua cau. Mẹ tôi từ khi vào Nam không ôm đồm bán lẻ bán sỉ cau khô lẫn cau tươi như hồi còn ở ngoài Bắc, bà chỉ chuyên bán sỉ cau khô. Nguồn cung cấp cau chính là tỉnh Quảng Nam ở miền Trung và tỉnh Bến Tre ở miền Nam. Mẹ tôi thường xuyên mua cau từ các đại lý của hai vùng ấy mà người đại diện là bà Năm Dung (chúng tôi thường gọi là cô Năm Dung) ở Hội An và bà Thái Nguyên ở Bến Tre. Ngoài ra mẹ tôi cũng mua cau từ đại lý của ông Cơ Tấn ở trong Chợ Lớn. Qua mấy chục năm buôn bán và giao hảo tốt đẹp những người đó đã trở thành những người bạn cau thân thiết của mẹ tôi. Còn chúng tôi xem cô Năm Dung, bà Thái Nguyên, ông Cơ Tấn như người nhà. Mẹ tôi cũng có nhiều dịp đi Hội An và Bến Tre để tìm hiểu tình hình cau và mua cau thẳng từ nguồn. Cau khô mẹ tôi mua về được phân loại, cau tốt để riêng, cau mốc được tẩy trắng bằng diêm sinh, được đóng bao rồi bán lại cho các bạn hàng chợ trong vùng Sài Gòn - Chợ Lớn.

Mỗi lần xe hàng tới là một ngày bận rộn. Chú Tiều được gọi đến. Chiếc xe cam nhông quay đít vào lề đường (xe bao giờ cũng giao hàng vào buổi chiều vì buổi sáng chợ họp không vào được), cẳng phía sau mở, một tấm ván bắc từ sau xe xuống hè làm cầu thang. Quàng một tấm khăn đỏ lên vai chú Tiều lên xe cúi mình kê vai vác từng bao tải cau lớn bước xuống thanh ván. Vào nhà chú nghiêng vai thả lên bàn cân để cân trước khi bao cau được chất đóng trong nhà. Mẹ tôi lắp cặp kính lão vào mắt đứng bên cạnh bàn cân, cúi xuống xem dịch quả tạ trên cán cân, xê qua xê lại cho tới khi hai cái mũi cân thăng bằng, rồi bà rút cái que chổi cắm trong một lọ mực tím bắt đầu nghịch ngoạc viết lên trên bao cau: "Cau Mỹ Lợi 41,8 ký". Chú Tiều trong lúc chờ đợi mẹ tôi cân cau thì ngửa mặt nhìn trần nhà, đầu ghéch một bên, ngón tay đưa cao chỉ vào một góc tường, miệng nói lảm nhảm tiếng Tiều Châu, như thể chú đang nói chuyện với một con thạch sùng nào đó trên trần nhà. Mặc dù chú có vẻ hoàn toàn lạc hẳn trong thế giới riêng nhưng chú Tiều tỉnh lắm, chú biết rất

chính xác khi nào mẹ tôi cân xong. Mẹ tôi vừa cầm cái que chổi vào lại lọ mực thì tức thời chú cúi xuống sát bàn cân, nghiêng vai vác bao cau lên chất cao trên đồng bao tải rồi chú lại lững thững đi ra ngoài, cái đầu nghiêng nghiêng, miệng sùi nước miếng, một cánh tay giơ cao dứ dứ lên trời, chú bước lên tấm ván để sửa soạn vác một bao cau khác.

Mẹ tôi cân và đánh dấu các bao cau xong thì giờ một ngón tay đẩy cặp kính lão xuống sống mũi, khẽ cúi đầu nhướng mắt nhìn quanh quất.

- Mấy đũa nó đâu hết cả rồi? Này! bà Hai, bà lên gác bảo mấy cô cậu xuống tính sổ.

Bà Hai lầm bầm câu gì trong miệng, lững thững đi qua nhà bếp để lên gác. Cầu thang hẹp lại dốc, bà đã cao tuổi nên rất ngại mỗi lần phải lên gác, tiếng lầm bầm chắc là để rủa chúng tôi. Khi chúng tôi bước xuống cầu thang tay cầm sẵn giấy bút thì ở dưới nhà ồn lên tiếng tranh cãi. Quá quen cảnh đôi co về giá cả giữa mẹ tôi và khách nên chúng tôi thường kiên nhẫn chờ cho đến khi đôi bên tỏ vẻ đồng ý nhau mới bắt đầu tính sổ. Hồi đó làm gì có máy tính chúng tôi phải làm hàng chục những con tính nhân. "*Cau Mỹ Lợi một bao nặng 41, 8 ký, mỗi ký giá.... đồng... Thành tiền là.... Cau Mỹ Lồng 35.9 ký... Mỗi ký giá... Cau Xuồng...*". Vừa tính toán xong thì mẹ tôi và khách lại đổi ý, hai người lại cò kè thêm một bớt hai, khách thì bảo cái cân nhà chúng tôi sai, mẹ tôi thì chê cau đất, cau xấu, cứ ồn cả lên. Thành thử chúng tôi phải tính lại có khi đến vài lần. "*Bà tính đất thế thì chúng tôi làm sao sống nổi*". Mẹ tôi hay nói thế nếu mẹ tôi là người mua cau. Còn nếu mẹ tôi là người bán cau thì câu nói trên lại được chuyển qua miệng khách hàng. Cứ như thế cảnh đôi co được lập đi lập lại trong suốt mấy chục năm buôn cau của mẹ tôi.

Không ai để ý đến chú Tiều lúc ấy đang đổ cau ra sàng để phơi. Khách đã quen với tính khùng của chú nên mặc kệ chú nói làm nhảm. Nhưng chú Tiều ngoài bệnh tâm trí lâu lâu lại lên cơn nhức đầu búa bỗ. Lúc lên cơn chú thường ôm đầu trợn mắt, miệng rú lên khiến mẹ tôi phải quát:

- Tiều, mày điên quá làm khách của tao sợ... Đây này cầm lấy mấy chục đi đâu khuất mắt, khi nào hết điên trở lại.

Mẹ tôi cũng dốc vào tay chú mấy viên thuốc nhức đầu Ophthalidon từ trong một hộp thuốc chúng tôi mua sẵn cho chú để trên nóc cái két sắt. Chú nhét tiền và thuốc vào cặp quần rồi lững thững vừa hú vừa đi vào trong chợ.

Mẹ tôi mỗi khi đi khỏi nhà thì hai cánh cửa sắt ở nhà dưới được khép chặt lại. Cửa ấy khi sập vào nhau thì cái móc sắt ở cánh bên này quàng vào cánh bên kia và cửa tự động khóa. Muốn mở cần một chiếc chìa khóa lớn. Nhưng chiếc chìa khóa này đã bị mất từ thời tám đại nào rồi. Mẹ tôi nhiều lần bảo chúng tôi gọi thợ đến làm cái chìa khác nhưng chúng tôi lười chẳng ai chịu đi. Chúng tôi bảo bà rằng chẳng cần chìa chiếc gì ráo tội, một con dao phay lớn nạy xoẹt một cái là cửa bung ngay. Vì thế trong bao nhiêu năm cánh cửa sắt của hiệu cau Cẩm Lợi được mở bằng con dao phay. Khách vô phúc đến chơi nhà tôi nhằm đúng lúc cửa đóng đang rung cửa để gọi thì bất gặp một ông Tàu lừng lững từ trong nhà tiến lại, tay dứ lên trời con dao phay sáng quắc, cảnh tượng ấy trông thật hãi hùng!

Chú Tiều khi không có việc gì làm ở nhà mẹ tôi thì lang thang ngoài chợ. Chú tự động quét sân chợ và lượm rác rất sạch sẽ. Hễ đói bụng là chú la cà mấy gánh phở, bún riêu. Khách ăn xong còn thừa là chú bưng tô húp. Có khi chú lại thò tay vào cả cái sô mà mấy bà bán bún phở đồ đồ ăn thừa để đem về cho heo ăn. Chú bốc đồ trong sô bỏ miệng ăn tỉnh khô. Mấy bà bán bún thấy tội nghiệp nên thường để dành đồ dư trong tô cho chú. Buổi chiều chú phụ dọn bàn dùm cho ông Siu Siu. Ông Siu Siu cho chú 5 đồng uống cà phê và để dành cho chú cơm và thịt gà dư của khách. Vì vậy chú Tiều càng ngày càng béo trắng ra, trông như con nhà giàu vậy.

Thuở ấy tôi có nhiều bạn bè đến chơi lắm. Như tất cả những thanh niên khác cùng trang lứa lũ chúng tôi năm ba mống thân nhau từ thời niên thiếu, cùng trải qua thời trung học, cùng vào đại học, để rồi sau rốt đưa trước đưa sau cùng lên đường nhập ngũ. Mẹ tôi coi những người bạn của con mình như con đẻ nên ai cũng thích đến nhà tôi chơi. Nhiều đũa còn ở lại ăn ngủ dầm dề nhiều ngày. Mẹ tôi thấy bạn tôi ở lại thì rất vui, bà dặn người làm mua thêm thức ăn thức uống. Chỉ "*thêm bát thêm đũa*" thôi mà. Bà nói. Lòng hiếu khách của mẹ tôi không phải không có lý do: bà rất cần có người giúp bà trong việc tính sổ sách và viết thư cho bạn hàng cau. Bà rất ngại phải sai mấy đũa con trai lười chầy thây của bà.

- Mỗi lần nhờ đến chúng nó là mặt chúng nó nhăn như bị.

Mẹ tôi than thở với mấy thằng bạn của tôi, những đũa mà - cố nhiên - lúc nào cũng tỏ ra rất vui được tính sổ cho bà.

Bà Hai thì trái lại rất ghét mấy đứa bạn tôi, ghét ra mặt, bảo chúng nó là lũ ăn hại. Thằng nào đến chơi gặp bà Hai ở dưới nhà là y như bị bà chặn lại hỏi ngay:

- Này cậu Hùng, cậu có ăn cơm không thì bảo cho tôi biết trước.

Thằng bạn cười giả lả:

- Ăn cũng được không ăn cũng không sao mà, có gì đâu quan trọng bà Hai
- Này này tôi bảo cho cậu biết. Ăn thì nói ăn. Không ăn thì nói không ăn. Chứ cái kiểu đến giờ cơm cứ lỉnh lỉnh ngồi vào bàn là không được với tôi đâu nhá
- Ủ, bà đã nói thế thì tôi ăn vậy.

Nói xong nó lỉnh lên gác. Đằng sau lưng nó có tiếng lằm bằm: “*Ăn thì cứ như hạm ăn ấy. Đâu có phải chỉ là thêm bát thêm đĩa!*”. Còn bạn gái của tôi thì – hời trời! – năm thì mười họa mới được nàng hân hạnh đặt bước tới thăm, gặp bà Hai thì cạch tới già không bước chân trở lại. Bà Hai hỏi thẳng, sỗ sàng:

- Cô gặp cậu ấy để làm gì?

Lúc tiễn cô bạn ra cửa tôi còn nghe phía sau lưng tiếng nguýt lẩn tiếng lằm bằm (may mà cô bạn không nghe thấy) “*Thế này thì nát một đời hoa rồi còn gì nữa!*” Anh Triệu tôi sau này lấy vợ anh mua căn chung cư số 41 ngay sát cạnh để ở. Mẹ tôi và anh đồng ý cho thợ đục vách tường chỗ cầu thang để hai nhà ăn thông với nhau. Trước khi đưa vợ về ở anh lo nhất là bà Hai có thể nói điều gì làm phật ý cô vợ trẻ của mình. Anh bèn dúm bà một số tiền, năn nỉ bà giữ miệng không được ăn nói lung tung. Bà Hai ngoảnh nụ cười móm:

- Thế tôi khen cô ấy có được không?
- Không! Khen cũng không! - Anh tôi la lên - “Bà cứ ngậm miệng cho tôi nhờ!

Phía trước nhà mẹ tôi trên mặt đường mỗi buổi sáng bày một dãy sạp hàng bán đủ thứ, nhiều nhất là sạp trái cây, vải vóc và quán ăn. Ngay trước cửa nhà là ba quán bán cà-phê, cháo huyết và bánh cuốn. Cà-phê bit tất của ông ba Tàu là chỗ lũ bạn bè chúng tôi ngồi thường trực. Mẹ tôi thấy chúng tôi thích tụ họp ở đó thì ngạc nhiên lắm, bà nói sao không bảo họ bưng cà-phê vào trong nhà ngồi uống có phải sạch sẽ hơn không? Mẹ tôi đâu biết rằng tâm lý bọn trẻ chúng tôi là chỉ chờ trực để có dịp “thoát ly” khung cảnh gia đình. Ngồi ở quán, cho dầu chỉ cách nhà vốn vẹn ba bốn thước, cũng đủ làm chúng tôi thoải mái như ngồi ở một chốn xa lạ nào khác. Cạnh quán cà-phê là hàng cháo huyết do một cụ Tàu ngồi bán. Gọi là cháo huyết hay cháo hến cũng đúng vì cháo có cả huyết lẫn hến. Buổi sáng sớm nào mà trời còn hây hây lạnh, húp bát cháo hến nóng nóng cay cay mùi gừng, nhai miếng huyết sần sật và để tan trong miệng miếng dầu cháo quẩy mềm nóng, đã lắm chứ!

Ngay cạnh quán cháo là hàng bánh cuốn. Không biết cô chủ quán này tên là gì nhưng chúng tôi cũng cứ gọi là quán bánh cuốn cô Mùi. Cô bán hàng người Bắc này ngồi ngay trước mũi chúng tôi trong bao nhiêu năm không làm chúng tôi chú ý, cho tới khi truyện Cô Mùi trong tác phẩm **Xóm Cầu Mới** của bố tôi được đăng lần đầu trên tập san Văn Hóa Ngày Nay vào năm 1958. Hồi đó cảnh làng quê đất Bắc mà bố tôi tả trong truyện Xóm Cầu Mới xa lạ với chúng tôi quá. Nó thuộc một thế giới rất xưa cũ không liên hệ gì đến đời sống thực của chúng tôi ở chợ An Đông. Vì vậy để “thực tế hóa” chúng tôi tưởng tượng Xóm Cầu Mới là Xóm Cầu Muối (một cái cầu có thật trong thành phố Sài Gòn, gần cầu Ông Lãnh) và cô bán bánh cuốn trước nhà thay thế cô Mùi trong truyện, mặc dù cô ta không có một tí nào nét đẹp duyên dáng của cô Mùi trong mộng tưởng của chúng tôi khi đọc truyện. Người cô mập tròn lại lùn tịt. Khi cười đôi mắt ti hí của cô nhắm tít lại. Tôi không biết là bố tôi có lần nào trông thấy “cô Mùi” chợ An Đông này chưa, nhưng chắc hẳn là bố tôi có nghe chúng tôi nhắc tới cô nhiều lần. Từ dạo cô có tên gọi chúng tôi không bảo người làm mua bánh cuốn mang vào nhà ăn như trước nữa mà ra ngồi hẳn cái sạp hàng của cô để có dịp nói chuyện và trêu chọc cô.

- Này cô Mùi, cô bán cho tôi một đĩa bánh cuốn.
- Các anh cứ gọi em như thế, em đâu phải tên Mùi
- Thế tên cô là gì?... Mà thôi! Dầu cô có tên là gì đi nữa tôi cũng cứ nhất định gọi cô là Mùi vì tôi thích thế.

Dĩ nhiên là cô Mùi này không hiểu vì sao chúng tôi lại gọi cô bằng cái tên ấy vì chúng tôi không bao giờ giải thích. Như hầu hết dân chợ cô ta chưa chắc đã biết ông Nhất Linh là ai, chứ đừng nói gì đến đọc truyện Cô Mùi của Nhất Linh. Ngay cả khi bố tôi mất năm 1963, trong khi cả thành phố Sài Gòn xôn xao trước cái chết của bố tôi thì dân buôn ở chợ không mấy may hay biết là ở trên cái căn lầu số 39 chung cư An Đông ấy, bố tôi đã lặng lẽ uống độc dược tự tử để phản đối một chế độ.

Phải mãi nhiều năm sau ngày bố tôi mất, khoảng năm cuối của thập niên 60, thì tên Nhất Linh mới được mọi người dân chợ biết đến. Hồi ấy có một dạo cứ mỗi lần tôi đi vào trong chợ là y như có tiếng xầm xì to nhỏ: “*Đấy! Con ông Nhứt Linh đấy!*” – “*Nhứt Linh là ai vậy mà?*” – “*Tao đâu có biết ông là ai. Nghe cổ nói dzậy thì*

biết dzậy thui! Cổ vô tận đây tìm nhà ông thì chắc ông cũng phải là dân cỡ bự!". Người được nhắc tới với cái tên "cổ" không phải ai xa lạ mà là nữ minh tinh màn bạc Thẩm Thúy Hằng. Cái ngày mà cô Thẩm Thúy Hằng xục xạo vào chợ An Đông để hỏi nhà của ông Nhất Linh là một biến cố lớn cho dân trong chợ. Sáng hôm ấy mẹ tôi đi vắng và - thiết may - tôi lại tình cờ có mặt ở nhà dưới. Vì có tôi nên cửa sắt không đóng. Nếu cửa đóng thì cô tài tử màn bạc này chắc hẳn sẽ được chú Tiểu nghênh đón bằng con dao phay và cảnh này chắc sẽ làm cô tổn tới già còn hơn những cảnh rùng rợn trong phim xi-nê.

Đi sau Thẩm Thúy Hằng là một lô một lốc những đứa trẻ con bận quần xà lỏn mình trần trụi trực. Tôi cũng mặc quần xà lỏn nhưng lịch sự hơn chúng nó một tí là có cái áo sơ mi cột tay khoác lên. Cô Thẩm Thúy Hằng thì cố nhiên ăn mặc sang trọng lộng lẫy lắm. Minh tinh điện ảnh mà! Vừa bước vào nhà cô nói oang oang:

- Trời đất ơi! Cả cái chợ An Đông này hổng ai biết nhà ông Nhất Linh ở đâu. Mãi sau tôi mới nhớ ra là bà Nhất Linh bán cau. Thế là mấy đứa nhỏ ùn ùn dẫn tôi tới đây.

Đoán biết ngay cô nữ tài tử này đến nhà tôi về chuyện gì nên tôi nói:

- Mẹ tôi không có nhà. Nhưng cô có thể nói chuyện với tôi nếu có liên quan đến bản quyền những tác phẩm của ba tôi
- Đúng dzậy! Tôi đến để điều đình về việc thực hiện cuốn phim dựa trên cuốn tiểu thuyết Đoạn Tuyệt của nhà văn Nhất Linh.

Rồi cô Thẩm Thúy Hằng chia tám danh thiếp mời tôi đến tư gia của cô để bàn về chi tiết. Cô nói chưa có quyết định ai sẽ là người đóng vai Loan còn vai Dũng thì có thể do nghệ sĩ La Thoại Tân đóng. Lúc tiễn cô ta ra ngoài tôi nhìn tám thân khá đầy đặn của cô và thầm nghĩ trong bụng cô này mà đóng vai Loan thì hổng bég nó cả cuốn tiểu thuyết của bố tôi! Tuần lễ sau tôi gặp Thẩm Thúy Hằng lần thứ hai tại nhà cô ở đường Duy Tân. Mấy tháng sau không hiểu vì lý do gì cô cho biết bỏ ý định thực hiện cuốn phim Đoạn Tuyệt.

Chuyện cô Thẩm Thúy Hằng đến nhà mẹ tôi làm xôn xao dân chợ một dạo. Nhưng đó không phải là lần đầu tiên họ được dịp chiêm ngưỡng tận mắt những nghệ sĩ nổi tiếng. Cặp nghệ sĩ cải lương Kim Cương - Hùng Cường một buổi chiều nọ cũng làm náo động đám trẻ con khi họ đến ăn ở quán cơm gà Siu Siu. Bữa đó tôi đang ngồi học bài trên gác thì có tiếng gọi ới ới ở dưới đường: "*Kim Cương tụi bay ơi!*" – "*Hùng Cường tụi bay ơi!*". Tôi bèn ra đứng ở ban công nhìn xuống. Trẻ con mấy chục mạng từ trong chợ chạy túa ra đường đứng thành hình vòng cung lớp lớp ngoài chung quanh quán cơm gà. Có vài người lớn trong đám nhưng họ chỉ đứng nhìn ở xa. Mấy đứa nhỏ đứng hàng đầu tiến sát lại gần cái bàn ăn của hai thực khách nhìn trân trân vào tận mặt cô Kim Cương, thần tượng của chúng mà trước đó chúng chỉ được thấy trên màn ảnh TV. Rồi bất ngờ trong đám con nít đồng loạt có tiếng vỗ tay, vừa vỗ tay vừa reo hò, rất đúng nhịp: "*Kim Cương nhai! Kim Cương nuốt!*". Tức mình, tài tử Hùng Cường đang ăn đứng lên phùng má trợn mắt nhìn đám trẻ. Tưởng nghệ sĩ này làm trò hề, lũ trẻ lại rộ lên cười. Ông Siu Siu đang chặt thịt gà, xách con dao phay chạy ra xua tay nói lớn:

- Hê! Lể cho người ta ăn ló! Lể cho người ta ăn ló!

Đám trẻ rần ra xa thôi hò hét nhưng không chịu đi, cứ đứng quanh đó mà nhìn cho tới khi cặp nghệ sĩ ăn xong lên xe.

Cứ như thế từ trên ban công căn nhà của mẹ tôi tôi ngắm cảnh sinh hoạt phía dưới không bao giờ chán mắt. Nội nhìn ông Siu Siu chặt thịt gà đã thấy mê! Con gà bóng mỡ nằm ngửa trên thớt. Một nhát dao phay bỗ ngọt trên bụng. Rồi phập phập! Hai cái đùi gà văng ra. Bằng bốn đầu ngón tay trái ông Siu Siu chặn cái đùi gà, chặn kín chỉ chừa một khoảng hở. Phập! Con dao phay bỗ sát móng tay. Rồi cứ thế các ngón tay ông ta lùi dần, lùi đến đâu con dao phập sát tới đó. Phập! Phập! Phập! Thoắt cái, đùi gà đã được chặt thành từng khúc nhỏ đều đặn. Xúc những miếng gà đã chặt bằng lườn con dao phay ông trải thịt gọn ghẽ lên một chiếc đĩa trắng, rắc một ít hành lá lên trên, thế là đĩa gà được mang cho khách, cùng với những bát cơm gà nóng vàng ngậy bốc khói cộng thêm hai thứ nước chấm, một chén xì dầu có những lát ớt đỏ và một chén gừng băm trộn dấm. Trong bao nhiêu năm quan sát ông Siu Siu chặt thịt gà tôi cứ bị ám ảnh bởi một ý nghĩ và ý nghĩ này không ngớt theo tôi cho tới tận ngày nay, hơn bốn mươi năm sau. Đó là có bao giờ ông ta lơ đễnh trong lúc chặt thịt? Tôi không dám nghĩ tiếp vì cái hậu quả mà tôi hình dung thấy nó kinh khiếp quá!

Ngày nọ qua ngày kia trải qua hai mươi năm cái sinh hoạt ở dưới quán cơm gà Siu Siu đã in vào trí nhớ tôi như là những hình ảnh sống động khó phai mờ. Hình ảnh ấy phản ánh một bức tranh xã hội thu nhỏ của thành phố Sài Gòn qua thời gian. Khi cuộc chiến bắt đầu nở lớn lan rộng ở vùng quê thì ở những chiếc ghế dưới kia đã có thêm nhiều màu áo trận trong số thực khách. Tôi đã nhìn thấy những nữ sinh e ấp trong chiếc áo dài

trắng gấp miếng thịt gà âu yếm bỏ vào trong bát của người yêu, một người lính rất trẻ ngồi đối diện; tôi đã nhìn thấy dĩa bàn ăn đầy áp những chai bia của những người lính trận đến đây ăn uống trong một lần về phép. Chợ An Đông cũng bắt đầu có bóng dáng những người lính Mỹ. Vào năm 1966 khi quân đội Mỹ đổ nhiều vào Việt Nam thì chủ nhân của chung cư này là tay tài phiệt Huỳnh Siêu đã cho xây cất thêm lầu bốn và dành nguyên lầu này để cho Mỹ thuê. Ở trên lầu bốn của chung cư là lầu thượng có mở câu lạc bộ là chỗ giải trí cho lính Mỹ. Đêm đêm tiếng nhạc và tiếng trống thình thình từ trên đầu chúng tôi vọng xuống. Quân đội Mỹ đi đến đâu thì thế nào mà chẳng có đoàn nữ binh lén lút hoặc công khai lãng vãng đâu đó để phục vụ. Nhưng tôi chỉ phỏng đoán thế thôi chứ không tài nào phát hiện được. Chợ An Đông bề ngoài trông vẫn nghiêm túc. Không một bóng dáng chị em ta nào lãng vãng. Thuở ấy nhóm bạn của tôi chia đôi. Một số ít đậu Tú Tài xong thì nhập ngũ. Số còn lại đông hơn có tôi trong đó tiếp tục đại học và được “hoãn dịch vì lý do học vấn”.

Trong số những thằng bạn nhập ngũ sớm tôi thân nhất với Trịnh Kim Đồng. Tôi quen Đồng vì nó ngồi cùng bàn với tôi lớp Đệ Nhất B2 trường trung học Chu Văn An niên khoá 1959-60. Cùng với thằng Hùng, thằng Khoát, thằng Lương Em, thằng Đồng đã nhả mặt ở nhà tôi trong khu chung cư chợ An Đông. Tính thằng Đồng phôi phôi, dễ thương, hiền lành. Đến như bà Hai là người khó tính thế mà cũng phải “chịu” nó nhất trong số những thằng bạn của tôi. Đến nhà tôi cứ hễ gặp thằng Hùng là nó rủ thằng Hùng đánh cờ tướng. Thằng Hùng háo thắng luôn luôn đánh pháo đầu, còn thằng Đồng dù đi trước hay đi sau bao giờ nó cũng ghêch tượng lên để thủ. Tôi còn nhớ cái dáng điệu của nó mỗi lần nó chặt được của đối thủ một quân cờ: nó lắc lắc con cờ vừa chiếm được trong lòng bàn tay rồi đưa bàn tay ấy lên miệng xuyết xoa thổi phù phù rồi cười ha hả. Thằng Đồng đậu Tú Tài xong ghi danh học Luật, rồi nó bỏ ngang, nhập ngũ khoá 22 Thủ Đức. Ra trường nó phục vụ ở Quân Đoàn 2. Mỗi lần được về phép là nó về nhà nó chỉ để cởi bộ quân phục rồi lại ngay chợ An Đông kiếm tôi. Một lần nó tâm sự:

- Tao đóng ở một cái đồn hẻo lánh ở miền Trung, buổi trưa trời nóng bức bắc võng ra nằm dưới gốc cây, nhìn xuống quốc lộ chạy qua ở dưới đồi, nghe tiếng cuốc nện xuống đường của đám phu lục lộ. Trong số đám thợ làm đường ấy có đám ba mụ nhà quê mặc quần lĩnh đen màu đã bạc thếp bụi đường; thế mà cứ hết giờ nọ tới giờ kia tao nhìn mãi vào ba cái mông đít ấy mà tưởng tượng ra trăm chuyện bậy bạ, thế có đốn mặt không chứ? Chẳng gì chứ trước kia mình cũng đã từng là giáo sư...

Vì thế mà có thông lệ là mỗi lần có đũa nào từ mặt trận về phép Sài Gòn thì đám hậu phương chúng tôi phải chung tiền để bao nó đi chơi bời mà chúng tôi gọi là đi “xả xui”. Xả xui thì độc có hai chỗ chúng tôi biết đến là Ngã Ba Chú Ía và ngõ Lê Văn Duyệt đối diện Quân Vụ Thị Trấn. Cả hai chỗ này đều dơ dáy kinh khiếp nhưng tụi nó ở trong rừng cả năm kẹt quá cỡ, được xả là khoái rồi, chẳng bao giờ chê bai.

Thế rồi bất ngờ một hôm tôi được dẫn đến một cái động rất sang mà lại chẳng phải đi đâu xa xôi. Nó ở ngay trên đầu chúng tôi, lầu ba chung cư An Đông! Ở anh bạn văn Trần Phong Giao của tôi ời! Anh ở dưới tuổi vàng hãy thử lỗi cho tôi tiết lộ chuyện này. Nói đến chung cư An Đông mà không nhắc đến anh và kỷ niệm này thì quả thiếu xót. Anh Giao hồi đó là chủ bút của tạp chí Văn. Anh là một người thật dễ mến, thật “tình thân” như anh luôn luôn viết thế khi kết thúc một bức thư gửi bạn bè. Năm đó anh xuất bản cuốn tuyển tập Chân Dung Nhất Linh, trong đó có đăng bài *Niềm Vui Chết Yếu* của tôi. Sách xuất bản xong, một bữa anh lái xe mô-bi-lét đến tìm tôi ở chợ An Đông. Gặp tôi ở trước cửa nhà anh móc ngay trong túi một cái phong bì, nhưng anh không đưa phong bì cho tôi, chỉ nói:

- Trong này có 500 đồng tiền nhuận bút của anh. Anh có hai lựa chọn. Một là anh nhận cái phong bì này. Hai là anh nhận một món quà khác tương đương với giá tiền.

Thấy tôi lưỡng lự anh nheo mắt bảo tôi:

- Món này độc đáo lắm. Bảo đảm anh sẽ thích

Rồi không để tôi lựa chọn anh ra lệnh: “*Đi theo tôi!*”. Nói xong anh khóa xe mô-bi-lét, lững thững bước đi trước. Ra đường Nguyễn Duy Dương anh dẫn tôi đến một cái cầu thang lên lầu ba của khu chung cư chúng tôi ở. Tôi đi theo anh mà lòng ngờ ngờ vực vực. Chưa bao giờ tôi bước chân lên lầu ba. Chúng tôi đi qua một hành lang rất dài, hai bên hành lang là một dãy cửa phòng đóng kín, tôi có cảm tưởng như là mình đang đi trong hành lang của một khách sạn lớn. Đến một phòng nọ anh gõ cửa. Cửa mở. Đầu của một cô gái Tàu thò ra. Chúng tôi vào phòng. Anh Giao nói mấy câu với cô gái rồi đưa cho cô ta cái phong bì. Xong anh lui ra. Ý chừng nhìn thấy gương mặt của tôi quá nghiêm trọng, anh mỉm cười nháy mắt với tôi một cái, rồi khép cửa lại. Tôi nhìn căn phòng rộng trống hổng chỉ có một cái giường nệm lớn trải khăn trắng ở giữa phòng trong lòng phân vân không biết phải làm gì. Trong lúc đó cô Tàu vào buồng tắm mở nước vắn vòi hoa sen. Lát sau cô trở ra không mặc quần áo gì cả chỉ quấn một cái khăn tắm quanh người rồi cô ta ra hiệu tôi cởi quần áo để vào phòng tắm chung với cô.

Nửa tiếng đồng hồ sau bước xuống cầu thang tôi lẩm bẩm:

- Thằng cha Giao này tài thiệt! Hắn ở xa tít thế mà biết hết mọi chuyện ở ngay trên đầu mình

Trong đời viết văn vốn không nhiều nhận gì cho lắm của tôi đây là lần đầu tiên cũng là lần duy nhất tôi có tiền nhuận bút. Mà may quá tôi lại không nhận cái tiền nhuận bút ấy!

Khoảng một tháng sau cái vụ tiền nhuận bút thú vị ấy một bữa hứng tình nhớ tới cô gái Tàu tôi lững thững một mình mò lên lầu ba chợ An Đông (nên nhớ là hồi đó tôi chưa có vợ). Lúc bước trong hành lang sâu hun hút nhìn hai dãy cửa tôi hoang mang. Cửa nào cũng giống hết nhau làm sao biết phòng nào của cô gái Tàu?

Không lý mình rút lui để hỏi lại Trần Phong Giao. Như vậy mất hứng rồi còn gì! Thế là tôi liều gõ đại một cánh cửa mà lúc ấy không hiểu sao tôi thấy nó có vẻ “quen quen”. Sau tiếng gõ lần thứ hai thì cửa mở. Một cái đầu thò ra cùng gương mặt chua như dấm của một ông ba Tàu hỏi sáng giọng:

- Nị hỏi cái gì?

Tôi ấp a ấp úng. Rồi bịa đại một cái tên cho cô gái Tàu, tôi đáp: “

- Đây có phải nhà của cô Lìn không?
- Hồng có ai hết!.

Rồi cửa đóng một cái rầm. Tôi chưng hửng. Vẫn chưa chịu thua, tôi gõ cửa căn bên cạnh. Cái đầu của một bà già Tàu hiện ra và cánh cửa được lập lại y hệt. Sợ hãi tôi bỏ đi. Trước khi bước xuống cầu thang, tôi ngoảnh lại nhìn: ở cuối hàng lang ba bốn cái đầu lố nhố thò ra tay chỉ trở về phía tôi như chỉ trở một tên cướp! Từ đó tôi cách không dám bén mảng lên trên lầu ba nữa.

Biến cố Mậu Thân xảy đến đột ngột làm thay đổi hẳn cuộc sống của bọn thanh niên chúng tôi. Thằng trước thằng sau khóa 1/68 rồi khóa 2/68 chúng tôi lần lượt trình diện Trung tâm Nhập ngũ Quang Trung. Khi chúng tôi bắt đầu bước vào đời lính thì trong số bè bạn đi trước đã có người ra đi vĩnh viễn. Trịnh Kim Đồng tử trận ở Quy Nhơn trước đó không lâu. Nó chết lẳng nhách: nghe nói trong một lần hành quân nó vô phúc bị cái chuôi của một trái hỏa châu do quân ta bắn lên cắm phập vào sau lưng nó! Mùng hai Tết năm Mậu Thân ấy chợ An Đông kinh hoàng trong tiếng súng nổ chát chúa từ phía đường Minh Mạng bên kia con đường sắt. Việt Cộng đang chiếm đóng và trấn thủ chùa Ân Quang, nơi mà chỉ hai đêm trước mẹ tôi và tôi dắt tay nhau đi bộ qua những con đường tối vắng giữa tiếng pháo nổ ran để đến chùa hái lộc đầu năm. Kể từ biến cố đó lũ bạn bè chúng tôi tan tác mỗi đứa mỗi ngả trong đời quân ngũ. Riêng cá nhân tôi sau khi tốt nghiệp khóa 2/68 tại quân trường Thủ Đức tôi được tuyển vào ngành Chiến Tranh Chính Trị và phục vụ tại Tổng Cục CTCT ở số 2 đường Thống Nhất Sài Gòn, vì thế mà tôi vẫn tiếp tục sống tại chung cư An Đông cho đến ngày di tản sang Mỹ cuối tháng Tư năm 1975.

Năm 1973 tôi lập gia đình. Thái Văn và tôi sống ở tầng dưới trong căn nhà số 41 kế cạnh tiệm cau Cẩm Lợi, trong khi anh chị Triệu tôi ở trên gác. Năm sau khi nhà tôi sinh đứa con đầu lòng, nhà tôi phải đưa thằng bé về nhà mẹ đẻ một tháng vì lúc ấy chúng tôi chưa mượn được người làm. Mẹ tôi rất mong ngày con dâu và cháu về lại chợ An Đông. Ngày vợ tôi bồng con trở về mẹ tôi mừng lắm. Bà nói với nhà tôi:

- Mợ biết ngay là con sắp về vì mấy hôm nay mợ thấy thằng Tiều dọn dẹp thật sạch sẽ cái phòng của con, nó lau chùi kỹ lưỡng bàn ghế từng li từng tí không còn một hạt bụi.

Vào những năm chót của cuộc chiến chợ An Đông phản ánh đời sống đầy khó khăn của dân chúng miền Nam. Đám người từ vùng quê kém an ninh đổ về thành phố sống lầy lắt trong chợ, trên vỉa hè ngay trước cửa nhà chúng tôi. Những người ăn xin bu quanh thực khách để xin tiền hoặc để chờ khách ăn xong lấy đồ ăn thừa khiến ông Siu Siu phải vất vả đuổi họ đi. Vào năm 1974 tên tuổi của mẹ tôi được nhắc đến nhiều lần liên quan đến một vụ kiện giữa một bên là mấy trăm cư dân sinh sống trong chung cư An Đông và một bên là tài phiệt Huỳnh Siêu.

Tường cũng nên nói là năm 1954 khi mẹ tôi và tất cả những người khác mua những căn trong chung cư của tài phiệt Huỳnh Siêu thì không phải là mua đứt mà là mua trong thời hạn hai mươi năm. Chính cái điều khoản “mua 20 năm này” ghi rất nhỏ trong tờ hợp đồng khiến tay tài phiệt này vào năm 1974 đã vin vào đó đòi trục xuất tất cả những cư dân đang sinh sống làm ăn tại đó ra khỏi chung cư, thay vì cho họ thuê lại. Sau nhiều lần nhóm họp mẹ tôi được đề cử làm người đại diện cho cả chung cư An Đông đứng ra kiện Huỳnh Siêu, có luật sư Trần Văn Tuyên biện hộ. Tên mẹ tôi, bà Nguyễn Tường Tam, được báo chí hồi đó nói tới khá nhiều lần.

Vụ Huỳnh Siêu chưa ngã ngũ thì biến cố Tháng Tư 1975 xảy ra. Chợ An Đông bề ngoài xem ra có vẻ bình lặng nhưng bên trong cư dân hoảng hốt mỗi người lo toan cho mình một cách riêng để đối phó với viễn cảnh

cộng quân sắp tràn vào thành phố. Vài ngày trước biến cố trọng đại này vợ chồng tôi không tài nào ngủ được vì đêm khuya có tiếng đục “kịch kịch” của những nhát cuốc nện xuống sàn nhà từ căn nhà kế cận. Chúng tôi đoán là họ đào đất để chôn của. Ban ngày tôi thường xuyên vắng nhà để đi tìm đường vượt thoát. Buổi trưa ngày 29 tháng Tư, một ngày sau khi vợ con tôi đã rời Việt Nam bằng máy bay của không lực Mỹ, tôi trở về căn nhà An Đông với mục đích từ biệt mẹ tôi đồng thời báo cho bà biết là tôi đang tìm đường trốn khỏi nước. Mẹ tôi không có nhà. Thời gian lúc ấy thật gấp rút. Tôi chạy lên gác nhìn quanh quất xem có thể mang những thứ gì theo. Có quá nhiều thứ để mang nhưng cuối cùng tôi chỉ đủ thì giờ gói hai tập bản thảo hai tác phẩm sau cùng của bố tôi là bản thảo cuốn *Xóm Cầu Mới* và *Giòng Sông Thanh Thủy* cho vào một bao ny lông đem đi. Xuống dưới nhà thì vừa vặn người em họ tôi, nhà văn Thế Uyên, ghé thăm. Tôi chỉ kịp nói mấy câu với Thế Uyên rồi đi ngay. Trước khi đi tôi lục trong túi xách tay có một xấp bó giấy bạc 500 đồng lấy một bó đưa cho Thế Uyên. Tôi nói

- Ông ở lại chắc cần tiền..

Thế Uyên chúc tôi:

- Ông đi may mắn.

Chúng tôi chia tay. Đó là hình ảnh sau cùng tôi ghi nhớ trước khi tôi giã từ vĩnh viễn căn nhà chúng tôi đã sống suốt 20 năm, căn nhà An Đông của mẹ tôi.

*

Hai mươi một năm trôi qua trên đất Mỹ nhanh như một chớp mắt. Năm 1996 chúng tôi trở về Việt Nam lần đầu tiên và có dịp ghé chợ An Đông thăm căn nhà cũ. Căn nhà nay đã đổi chủ. Bảng hiệu cau Cẩm Lợi thay thế bằng bảng tiệm vàng Kim Xuyên. Trong lúc vợ con tôi đi sắm đồ trong chợ An Đông (nay được tân trang phía trong với một dãy cầu thang cuốn) tôi đứng trước cửa tiệm vàng nhìn lên cái ban công trên cao nhớ lại những giờ phút xa xưa đứng trên đó nhìn xuống cái quán Siu Siu ở dưới này bây giờ không còn nữa, nhớ lại cả một thời thanh xuân, thời tuổi trẻ của mình mà lòng bồi hồi.

Đã bao nhiêu nước chảy qua cầu.

Mẹ tôi không còn nữa. Sau biến cố năm 1975 mẹ tôi đã sống thêm được 6 năm tại căn nhà An Đông ấy và chứng kiến bao nhiêu cảnh tang thương của cuộc đời. Tuy mẹ tôi được nhà cầm quyền mới để yên không làm khó dễ như bà vẫn hằng lo ngại (do tên tuổi bố tôi), nhưng bà đã trải qua bao cảnh chia ly tử biệt trong gia đình. Mẹ tôi chứng kiến chị cả tôi, chị Thu, chết trong một tai nạn xe cộ vào năm 1976, anh Thạch tôi bị đi tù cải tạo ở miền Bắc, anh chị Triệu tôi vượt biên, bị bắt, bị tù, rồi vượt biên nữa. Những người con của bà, người chết người bỏ đi xa, căn nhà vắng dần bóng người, mẹ tôi nhiều lúc sống thui thủi một mình trong căn nhà An Đông. Người chăm lo hầu hạ bà sau này nhiều nhất là chị Thạch và... chú Tiều. Vâng, chú Tiều, con người hiền hiền khùng khùng ấy không ngờ lại là người rất có tình nghĩa, tận tụy chăm lo cho mẹ tôi cho đến những ngày cuối của đời bà.

Theo lời chị dâu tôi, chị Thạch, sau năm 1975 chú Tiều ở hẳn trong nhà mẹ tôi. Chú giặt rũ, nấu cơm, đóng cửa, mở cửa, coi nhà và trông nom mẹ tôi. Hồi đó trộm cướp nhiều lắm, mẹ tôi nhiều lúc ở nhà một mình nên sợ, may mà có chú Tiều bảo vệ. Đêm đêm chú giắt con dao phay sáng quắc đi tới đi lui trước nhà khiến đám bụi đời và lũ trộm cắp rất ngán không ai dám bén mảng đến cửa. Anh Thạch tôi sau 5 năm trời cải tạo trở về sống ở chợ An Đông. Ngày anh trở về là ngày vui nhất của mẹ tôi. Anh là người duy nhất trong số các con của mẹ tôi được sống với mẹ trọn một năm chót của đời bà. Tháng Tư năm 1981 mẹ tôi bị bệnh nặng. Anh cả tôi từ bên Pháp về Việt Nam đưa mẹ tôi sang Paris chữa bệnh. Đến phi trường Orly mẹ tôi được chở thẳng đến bệnh viện. Bà qua đời tại đó ít lâu sau, thọ 74 tuổi.

Trong cuộc đời khùng khiếp ấy tội nghiệp nhất phải nói là ông chủ quán cơm gà Siu Siu. Vào năm 1975 sau 20 năm làm ăn phát đạt ông Siu Siu trở nên giàu có. Ông đã tậu 3 căn nhà sát nhau trong một dãy phố đường Nguyễn Duy Dương, cạnh trường Trí Dũng, và biến 3 căn này thành một nhà hàng bán cơm gà thật lớn, trong khi ông vẫn duy trì cái quán cóc nhỏ ở sát cạnh nhà mẹ tôi. Vẫn theo lời kể của chị Thạch thì khi những người cộng sản vào trong Chợ Lớn họ niêm phong và tịch thu tất cả những nhà hàng lớn của hoa kiều, chỉ cho hoạt động những nhà hàng nhỏ bán buôn lẻ tẻ. Ông Siu Siu bỗng nhiên một lúc bị tước đoạt cả 3 căn nhà. Còn quán cóc thì ông sang lại cho chú Sáng, một người bà con của ông. Tháng 6 năm 1978 những thương gia trong Chợ Lớn hùn nhau tổ chức một cuộc vượt biên bằng tàu. Ông Siu Siu và toàn gia đình ông tham dự trong chuyến đi ấy. Ra khơi không may tàu chìm. Toàn thể gần trăm người trên tàu không một ai

sống sót chỉ trừ một mình ông Siu Siu. Ông bám vào một tấm ván theo sóng biển trôi tấp vào bãi biển tỉnh Bến Tre. Dân chúng địa phương báo cho công an biết và ông được chở vào bệnh viện cứu sống. Sau khi điều tra lý lịch biết ông Siu Siu ở chợ An Đông họ điện cho công an phường An Đông để xin giải ông về quận 5. Ông Siu Siu sau đó trở thành người mất trí. Không còn nhà cửa để ở ông sống lầy lắt ngay dưới mái hiên căn nhà cũ của mình ở đường Nguyễn Duy Dương. Rồi giống như chú Tiều ông bắt đầu điên khùng nói năng lảm nhảm. Nhưng tệ hơn chú Tiều ông phải ngửa tay xin từ gói xôi, gói bắp của những người qua đường để sống, những người mà chỉ mấy năm trước đã là thực khách thường xuyên của quán cơm gà rất nổi tiếng của ông.

Còn chú Tiều nhờ trời thương nên có hậu vận khá. Sau khi mẹ tôi qua Pháp chị dâu tôi và anh Thạch là hai người sau cùng ở lại chợ An Đông. Khi anh chị Thạch quyết định về ở Thủ Đức anh chị đã sang căn nhà 39 An Đông cho bà Kim Xuyên. Bà Xuyên sửa lại căn nhà để mở một tiệm vàng khang trang đẹp đẽ. Theo lời chị Thạch thì căn trên gác được sửa sang gắn cửa kính lắp máy lạnh và đặc biệt để dành riêng cho chú Tiều ở. Chả là bà Kim Xuyên có nhà riêng 3 tầng ở đường Lý Hồng Phong nên bà không ở tiệm vàng. Mỗi sáng bà đến chợ An Đông bán hàng. Chiều đến bà cho vàng vào trong két sắt (cái két sắt lớn của mẹ tôi để lại) khóa két lại rồi giao nhà cho chú Tiều coi giữ. Đêm đêm chú Tiều giắt con dao bên lưng, đi tới đi lui, giống như trước kia chú đã làm thế để bảo vệ mẹ tôi, do vậy mà không một tên bất lương nào dám bén mảng đến trước cửa căn nhà số 39. Bà Xuyên về nhà riêng có thể yên tâm ngủ vì tiệm vàng đã có chú Tiều canh giữ. Một người khùng điên, không tài cán, không người thân thích, mà lại được tin nhiệm giao phó trông coi cả một tiệm vàng... Đúng là chuyện khó tin nhưng có thực!

Sáu năm sau, năm 2002, chúng tôi lại trở về Sài Gòn và đến thăm lại căn nhà cũ một lần thứ hai. Tiệm vàng Kim Xuyên không còn ở đó nữa. Tầng dưới nhà nơi chỗ hai cửa sắt trông ra hai mặt đường đã bị bịt tường kín bưng. Trên lầu những ban công được che bằng những song sắt chắc chắn. Chúng tôi đoán chủ nhân mới là sở hữu chủ của cả hai căn 39 và 41, họ dùng căn 41 làm chỗ buôn bán và dùng căn nhà cũ của mẹ tôi làm kho chứa hàng.

Lần đó cũng là lần sau cùng tôi nhìn thấy căn nhà An Đông cũ của mẹ tôi. Bức tường kín mít đã hoàn toàn chắn tôi với quá khứ. Tôi băng khuâng tự hỏi không biết số phận của chú Tiều bây giờ ra sao, còn sống hay đã chết?

Nguyễn Tường Thiết